

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 05 /2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2377/TTr-SNV ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Công văn số 2875/SNV-XDCQ ngày 24 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày 10 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định xử lý kỷ luật đối với cán bộ và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, SNV (Chinh - 25b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Phong

QUY ĐỊNH

**Xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách
ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
(Kèm theo Quyết định số 05 /2022/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nguyên tắc xử lý kỷ luật; việc áp dụng các hình thức kỷ luật tương ứng với các hành vi vi phạm; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi chung là người hoạt động không chuyên trách).

2. Đối tượng áp dụng

UBND các xã, phường, thị trấn; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (trừ các trường hợp tại khoản 3 Điều này).

3. Quy định này không áp dụng đối với

a) Người hoạt động không chuyên trách thuộc tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã. Việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối tượng này được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã. Việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối tượng này được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật**1. Khách quan, công bằng; nghiêm minh, đúng pháp luật.**

2. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu người hoạt động không chuyên trách có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ

luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau.

3. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành.

b) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.

4. Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật Đảng thay cho hình thức kỷ luật theo Quy định này. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách đã bị xử lý kỷ luật Đảng thì hình thức kỷ luật phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật Đảng, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật.

7. Người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm; ngoài thời hạn 24 tháng thì hành vi vi phạm đó được coi là vi phạm lần đầu nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

1. Người hoạt động không chuyên trách đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Người hoạt động không chuyên trách đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Người hoạt động không chuyên trách là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

4. Người hoạt động không chuyên trách đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

2. Trường hợp phải chấp hành quyết định của cấp trên nhưng có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật và đã báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định mà người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành (bằng văn bản).

3. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

4. Người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm nhưng đã qua đời.

Điều 5. Thời hiệu xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm. Thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

a) 02 năm (24 tháng) đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

b) 05 năm (60 tháng) đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

a) Người hoạt động không chuyên trách là Đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

b) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

c) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Điều 6. Thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày.

2. Trường hợp vụ việc có liên quan đến nhiều người, có tang vật, phương tiện cần giám định hoặc có tình tiết phức tạp khác cần thời gian để làm rõ thêm thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật, nhưng không quá 150 ngày.

3. Không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật đối với:

a) Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự (nếu có).

c) Thời gian thực hiện khiếu nại về quyết định xử lý kỷ luật cho đến khi ra quyết định xử lý kỷ luật thay thế theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 7. Các hành vi bị xử lý kỷ luật

1. Người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm các quy định liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống hoặc vi phạm pháp luật khác khi thi hành nhiệm vụ thì bị xem xét xử lý kỷ luật.

2. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

b) Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, rất lớn, phạm vi tác động ngoài cơ quan đến toàn xã hội, gây dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, công chức và Nhân dân, làm giảm uy tín, mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

c) Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư

luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức và Nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

Điều 8. Các hình thức kỷ luật

1. Khiển trách.
2. Cảnh cáo.
3. Buộc thôi việc.

Điều 9. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành nhiệm vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện.

3. Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

6. Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7. Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ.

8. Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

9. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, công vụ.

Điều 10. Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo

Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại Điều 9 Quy định này mà tái phạm.
2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm.
2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Quy định này.
3. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được bổ trí giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách.
4. Nghiện ma túy (đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền).

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 12. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Chủ tịch UBND cấp xã tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm mà còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì Chủ tịch UBND cấp xã quản lý trước đây tiến hành xử lý kỷ luật, quyết định hình thức kỷ luật. Trường hợp UBND cấp xã nơi người hoạt động không chuyên trách đã công tác sáp nhập thì UBND cấp xã sau khi sáp nhập tiến hành xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách phải được gửi về cơ quan quản lý, cơ quan nơi người có hành vi vi phạm đang công tác.

2. Trường hợp Chủ tịch hoặc tất cả lãnh đạo UBND cấp xã có liên đới trách nhiệm đến hành vi vi phạm thì Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách.

Điều 13. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật

Việc xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Tổ chức họp kiểm điểm.
2. Thành lập Hội đồng kỷ luật.
3. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.

Trường hợp xử lý kỷ luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này thì không tổ chức kiểm điểm.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 14. Tổ chức họp kiểm điểm

1. Trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm

Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức, chủ trì cuộc họp kiểm điểm. Trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã có liên đới trách nhiệm đối với hành vi vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật Chủ tịch UBND cấp xã thì Phó Chủ tịch UBND cấp xã chủ trì. Đối với sai phạm thuộc thẩm quyền xử lý kỷ luật của Chủ tịch UBND cấp huyện tại khoản 2 Điều 12 thì lãnh đạo Phòng Nội vụ (Ban Tổ chức - Nội vụ) tổ chức, chủ trì kiểm điểm.

Thành phần tham dự cuộc họp kiểm điểm gồm đại diện lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và toàn thể công chức của UBND cấp xã.

2. Việc tổ chức cuộc họp kiểm điểm được tiến hành như sau

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do cuộc họp, thông báo hoặc ủy quyền cho công chức tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ thông báo các nội dung: tóm tắt về quá trình công tác; hành vi vi phạm; các hình thức xử lý đã ban hành (nếu có); thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, thời điểm phát hiện hành vi vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của người có hành vi vi phạm; thời hiệu và thời hạn xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Người có hành vi vi phạm trình bày bản kiểm điểm, trong đó nêu rõ hành vi vi phạm, nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan và tự nhận hình thức kỷ luật.

Trường hợp người có hành vi vi phạm có mặt tại cuộc họp nhưng không làm bản kiểm điểm thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm được tiến hành sau 02 lần gửi thông báo triệu tập họp.

c) Thành viên tham dự cuộc họp phát biểu, nêu rõ ý kiến về các nội dung quy định tại điểm a khoản này.

d) Người chủ trì cuộc họp kết luận, trong đó phải thể hiện rõ nội dung sai phạm, nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan, tính chất, mức độ, hậu quả gây ra của sai phạm và kiến nghị về việc xử lý kỷ luật, hình thức kỷ luật (nếu có). Nội dung cuộc họp kiểm điểm phải được lập thành biên bản.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người chủ trì cuộc họp gửi báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm đến cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật. Báo cáo phải thể hiện rõ các nội dung sau đây:

- a) Hành vi vi phạm, tính chất và hậu quả của hành vi vi phạm.
- b) Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.
- c) Trách nhiệm của người có hành vi vi phạm.
- d) Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
- đ) Kiến nghị về việc xử lý kỷ luật; hình thức kỷ luật (nếu có) và trình tự thực hiện.

Điều 15. Hội đồng kỷ luật

1. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

a) Hội đồng kỷ luật họp khi có từ 03 thành viên trở lên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

b) Hội đồng kỷ luật kiến nghị có kỷ luật hay không kỷ luật, áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín.

c) Việc họp Hội đồng kỷ luật phải được lập thành biên bản, trong đó thể hiện rõ ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị có kỷ luật hay không kỷ luật, áp dụng hình thức kỷ luật.

d) Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật

a) Đã có kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi vi phạm, trong đó có đề xuất hình thức kỷ luật.

b) Đã có quyết định xử lý kỷ luật Đảng.

c) Các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này được sử dụng kết luận về hành vi vi phạm mà không phải điều tra, xác minh lại.

Điều 16. Thành phần Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Trường hợp sai phạm thuộc thẩm quyền xử lý kỷ luật của Chủ tịch UBND cấp huyện thì Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng Nội vụ (Ban Tổ chức - Nội vụ).

b) 01 Ủy viên Hội đồng là Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã.

c) 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Công đoàn cơ sở cấp xã.

d) 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo của UBND cấp xã trực tiếp quản lý, theo dõi, phụ trách công việc của người hoạt động không chuyên trách. Trường hợp lãnh đạo UBND cấp xã chỉ có 01 người hoặc Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng Nội vụ (Ban Tổ chức - Nội vụ) thì Ủy viên này là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

đ) 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Văn phòng - thống kê; trường hợp lãnh đạo Phòng Nội vụ (Ban Tổ chức - Nội vụ) là Chủ tịch Hội đồng thì Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là chuyên viên Phòng Nội vụ.

2. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của người bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật.

Điều 17. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật

1. Chuẩn bị họp

a) Chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới người có hành vi vi phạm. Người có hành vi vi phạm vắng mặt phải có lý do chính đáng. Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt sau 02 lần gửi giấy triệu tập thì sau khi gửi giấy triệu tập lần thứ 3, Hội đồng kỷ luật tiến hành họp, kể cả trong trường hợp người vi phạm đó vẫn vắng mặt.

b) Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của cấp xã; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật;

d) Hồ sơ xử lý kỷ luật trình Hội đồng kỷ luật gồm: bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của người vi phạm, biên bản cuộc họp kiểm điểm tại cấp xã và các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự họp

a) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự.

b) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc trích ngang sơ yếu lý lịch của người có hành vi vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

c) Người có hành vi vi phạm đọc bản tự kiểm điểm.

Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt nhưng có bản kiểm điểm thì Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay; trường hợp có mặt nhưng không làm bản tự kiểm điểm hoặc vắng mặt và không có bản kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại khoản này.

d) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm.

đ) Các thành viên Hội đồng kỷ luật và người tham dự cuộc họp thảo luận và phát biểu ý kiến.

e) Người có hành vi vi phạm phát biểu ý kiến; nếu người có hành vi vi phạm không phát biểu ý kiến hoặc vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại khoản này.

g) Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu về việc có kỷ luật hay không kỷ luật (mẫu số 01); trường hợp đa số phiếu kiến nghị kỷ luật thì bỏ phiếu về việc áp dụng hình thức kỷ luật (mẫu số 02); việc bỏ phiếu được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín.

h) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp.

i) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật ký biên bản cuộc họp.

3. Trường hợp nhiều người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm thì Hội đồng kỷ luật họp để tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với từng người.

Điều 18. Quyết định kỷ luật

1. Trình tự ra quyết định kỷ luật

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên

bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật trong trường hợp thành lập Hội đồng kỷ luật hoặc biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật. Trường hợp không thi hành kỷ luật (sai phạm chưa đến mức thi hành kỷ luật) hoặc sai phạm đã hết thời hiệu thì ban hành thông báo kết luận về nội dung sai phạm để phê bình, chấn chỉnh.

c) Trường hợp vi phạm có tình tiết phức tạp thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

3. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

4. Quyết định kỷ luật có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành. Trong thời gian này, nếu người hoạt động không chuyên trách không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

Trường hợp tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này. Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của người hoạt động không chuyên trách.

Chương IV **CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN**

Điều 19. Các quy định liên quan khi xem xét xử lý kỷ luật

1. Trường hợp người có hành vi vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị điều tra, truy tố, xét xử mà đến tuổi nghỉ hưu thì vẫn thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí (nếu đủ điều kiện) hoặc thôi việc.

2. Trường hợp Hội đồng kỷ luật đã có văn bản kiến nghị về việc xử lý kỷ luật nhưng chưa ra quyết định kỷ luật mà phát hiện thêm các tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật khác thì Hội đồng kỷ luật xem xét kiến nghị lại hình thức kỷ luật.

Điều 20. Các quy định liên quan đến việc thi hành quyết định kỷ luật

1. Người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý lưu giữ hồ sơ của người hoạt động không chuyên trách bị kỷ luật buộc thôi việc có trách nhiệm cung cấp bản tóm tắt lý lịch và nhận xét (có xác nhận) khi người đó yêu cầu.

3. Sau 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực, người bị kỷ luật buộc thôi việc theo Quy định này được quyền đăng ký dự tuyển vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước. Trường hợp bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc do tham nhũng, tham ô hoặc vi phạm đạo đức công vụ thì không được đăng ký dự tuyển vào các cơ quan hoặc vị trí công tác có liên quan đến nhiệm vụ, công vụ đã đảm nhiệm.

4. Quyết định xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận là oan, sai thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực, Chủ tịch UBND cấp xã nơi người hoạt động không chuyên trách làm việc có trách nhiệm công bố công khai tại cơ quan. Trường hợp đã ban hành quyết định kỷ luật theo kết luận của bản án phúc thẩm và không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền bị oan, sai nhưng sau đó có thay đổi về hình phạt ở bản án mới theo quy định của pháp luật về tố tụng thì việc xử lý quyết định kỷ luật đã ban hành do cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật xem xét, quyết định.

5. Người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, sau đó được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận là oan, sai mà vị trí công tác cũ đã bố trí người khác thay thế thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm bố trí vào vị trí công tác phù hợp.

6. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo kết luận việc xử lý kỷ luật tiến hành không đúng quy định về áp dụng hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật thì cấp có thẩm quyền kỷ luật phải ra quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật đã ban

hành; đồng thời phải tiến hành xem xét xử lý kỷ luật người hoạt động không chuyên trách theo đúng Quy định này.

Điều 21. Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách đang trong thời gian tạm giữ, tạm giam và tạm đình chỉ công tác

1. Trong thời gian tạm giữ, tạm giam hoặc được cho tại ngoại nhưng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú mà không thể tiếp tục đi làm để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc tạm đình chỉ công tác mà chưa bị xem xét xử lý kỷ luật thì được hưởng 50% của mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm và phụ cấp khác (nếu có).

2. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách không bị xử lý kỷ luật hoặc được kết luận là oan, sai thì được truy lĩnh 50% còn lại của mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm và phụ cấp khác quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật hoặc bị Tòa án tuyên là có tội thì không được truy lĩnh 50% còn lại của mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm và phụ cấp khác quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật

Người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật.

**Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hành vi vi phạm được xem xét, xử lý trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật hiện hành để xử lý; đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng việc xem xét, xử lý sau ngày Quy định này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Quy định này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh hướng dẫn việc thực hiện; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có văn bản báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

UBND.....
HỘI ĐỒNG KỶ LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIẾN NGHỊ THI HÀNH KỶ LUẬT

STT	Họ và tên	Chức danh	Kiến nghị	
			Thi hành kỷ luật	Không thi hành kỷ luật

Ghi chú:

- Đánh dấu X vào ô chọn;
- Ý kiến khác (trường hợp kiến nghị không thi hành kỷ luật).....
.....
.....

UBND....
HỘI ĐỒNG KỶ LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIẾN NGHỊ ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT

STT	Họ và tên	Chức danh	Kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Buộc thôi việc

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô chọn.